

Bản án số: 23/2017/HSST
Ngày: 18-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Xuân Mung
2. Ông Trần Văn Xuyên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hoàng - cán bộ Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thiêm - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2017/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Tiến T (tên gọi khác: Công M), sinh năm 1978 tại Hải Phòng; trú tại: Số 19 A, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; con ông Vũ Văn H và bà Hoàng Thị M; chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 12/4/2017, đến ngày 14/4/2017 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị M, sinh năm 1977; trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1980; trú tại: Số 797 T, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Nguyễn Văn B), sinh năm 1960; trú tại: Số 43/71 C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do cần tiền để tiêu xài cá nhân, trong các ngày 21/9/2016 và 14/02/2017, Vũ Tiến T đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn quận Hải An và quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ 20 phút ngày 21/9/2016, Vũ Tiến T mang theo bộ vạm khóa gồm 01 tay công và 01 đầu vạm đi đến khu Đ2, C, quận H, thành phố Hải Phòng mục đích để trộm cắp xe máy. Khi đến nhà số 4B27, khu Đ2, phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ - đen, biển kiểm soát 16M8-6186 của anh Nguyễn Minh T, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng dựng trước cửa, không ai trông coi, T đeo khẩu trang che mặt rồi dùng bộ vạm phá khóa ổ điện chiếc xe. Sau đó, T đi xe đến quán chơi game tại địa chỉ 162/173 H, quận L, thành phố Hải Phòng của chị Đặng Thiên T và thỏa thuận với chị T cầm cố chiếc xe cùng giấy tờ xe mang tên Nguyễn Văn N để lấy 3.500.000 đồng chuyển vào tài khoản chơi game của T. Sau khi chơi game bắn cá bị thua hết tiền, T nhờ chị T tìm người để bán chiếc xe. Chị T đã gọi điện cho anh Vũ Văn Q, trú tại số 797 T, quận K, thành phố Hải Phòng đến; tại quán chơi game của chị T, T đã thỏa thuận bán xe cho anh Q với giá 6.500.000 đồng. Khi bán xe, T ghi trong giấy biên nhận tên người bán là Vũ Thành C, địa chỉ số 19 N, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng. Số tiền bán xe, T trả cho chị T 3.500.000 đồng, còn lại dùng để chơi game hết. Sau khi bị phát hiện hành vi trộm cắp tài sản, T bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H ra quyết định truy nã.

Ngày 14/10/2016, anh Vũ Văn Q giao nộp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 16M8-6186 và đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn N cùng giấy biên nhận mua bán xe cho Công an phường C, quận H. Chiếc xe đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Minh T vào ngày 20/12/2016.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 28/10/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận H kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 16M8-6186 trị giá 6.400.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sáng ngày 14/02/2017, Vũ Tiến T chơi game tại quán của chị Đặng Thiên T; đến khoảng 11 giờ 00 phút, T ra về. Khi ra cửa quán, T thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 14T7-2335 của chị Phạm Thị M, trú tại thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (là nhân viên dọn vệ sinh của quán) dựng trước cửa, không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp. T liền ngồi lên xe, dùng vạm mang theo để trong túi quần vặn phá ổ khóa điện. Khi vừa phá được khóa thì anh Lâm Quang H (là nhân viên của quán) phát hiện, T liền nói với anh Hiền: “Bảo cái T cho anh mượn xe đi ra đây một tý” rồi điều khiển xe đi. Đến khu vực đường V, phường Đ, quận H, T mua của một người thợ sửa

khóa không quen biết 01 chìa khóa để tắt, mở ổ điện của chiếc xe rồi đi đến khu vực đường Đại học dân lập, quận L để tìm nơi tiêu thụ. Tại đây T gặp bạn là Bùi Văn T (không xác định được lai lịch, địa chỉ) và nhờ T tìm giúp nơi để cầm cố. T đã dẫn T đến gặp ông Nguyễn Văn H (tên gọi khác: B), trú tại số 43/71 C, quận L, thành phố Hải Phòng. T đã thỏa thuận với ông H cầm cố chiếc xe với giá 2.000.000 đồng, không viết giấy biên nhận. Số tiền cầm cố chiếc xe, T rủ T chơi game hết. Khoảng 1-2 ngày sau, T quay lại nhà ông H vay thêm 100.000 đồng.

Ngày 05/4/2017, Vũ Tiến T giao nộp bộ vạm khóa gồm 01 tay công và 01 đầu vạm cho Công an quận L.

Ngày 08/4/2017, ông Nguyễn Văn H giao nộp chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 14T7-2335 cho Công an quận L. Chiếc xe đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Phạm Thị M vào ngày 24/5/2017.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 06/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận L kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 14T7-2335 giá trị còn lại được định giá là 11.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 29 tháng 8 năm 2017, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Vũ Tiến T (tên gọi khác: Công M) về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vũ Tiến T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung của Cáo trạng, khẳng định Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội. Về dân sự, bị cáo sẽ có trách nhiệm hoàn trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 6.500.000 đồng.

Trong lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị:

Về tội danh và điều luật áp dụng: Giữ nguyên như truy tố của bản Cáo trạng.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm p Khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Vũ Tiến T từ 24 đến 30 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị cáo phải trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 6.500.000 đồng.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 2.100.000 đồng - là tiền cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 14T7-2335 do bị cáo phạm tội mà có.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội là vạm phá khóa gồm 01 tay công và 01 mũi vạm.

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của các chủ sở hữu tài sản; ngày 21/9/2016, tại số nhà 4B27, khu Đ2, phường C, quận H, thành phố Hải Phòng, Vũ Tiến T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ-đen, biển kiểm soát 16M8-6186 của anh Nguyễn Minh T, theo kết luận định giá có giá trị 6.400.000 đồng và ngày 14/02/2017, tại số nhà 162/173 H, quận L, thành phố Hải Phòng, Vũ Tiến T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng, biển kiểm soát 14T7-2335 của chị Phạm Thị M, theo kết luận định giá có giá trị là 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 17.400.000 đồng (mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo không có tình tiết định khung tăng nặng. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần được xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ ngày 21/9/2016 đến 14/02/2017, bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hình phạt chính: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng và một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bản thân là đối tượng nghiện ma túy. Năm 2012, Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo 04 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Đối với tiền án này, tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo là người không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật. Mặt khác, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy của anh Nguyễn Minh T, bị cáo bỏ trốn; trong thời gian bị truy nã, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy

của chị Phạm Thị M. Vì vậy, cần xử bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện đang bị bệnh lao phổi và nhiễm HIV, không có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi và trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị M; người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với yêu cầu của anh Vũ Văn Q về việc bị cáo phải hoàn trả anh Q số tiền đã mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 16M8-6186: Sau khi chiếm đoạt chiếc xe máy trên của anh Nguyễn Minh T, bị cáo đã bán xe cho anh Vũ Văn Q với giá 6.5000.000 đồng và dùng toàn bộ số tiền này vào việc tiêu xài cá nhân. Khi mua bán xe, anh Q không biết xe máy là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, yêu cầu của anh Vũ Văn Q về việc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả anh Q số tiền 6.500.000 đồng là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với số tiền 2.100.000 đồng mà bị cáo nhận của ông Nguyễn Văn H khi cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 14T7-2335, ông H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả. Tuy nhiên, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền trên để sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Vật chứng gồm 01 tay công và 01 mũi văm là công cụ dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với Đặng Thiên T, Vũ Văn Q và Nguyễn Văn đã có hành vi cầm cố, tiêu thụ tài sản là hai chiếc xe máy của Vũ Tiến T nhưng không biết là tài sản do T phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H không đủ cơ sở xử lý về hình sự.

Đối với đối tượng tên Bùi Văn T và người thợ sửa khóa, chưa xác định được lai lịch địa chỉ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Tiến T (tên gọi khác: Công M) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Vũ Tiến T (tên gọi khác: Công M) 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ là 03 ngày (từ ngày 12 tháng 4 năm 2017 đến ngày 14 tháng 4 năm 2017).

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các điều 604, 605 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Vũ Tiến T (tên gọi khác: Công M) phải trả cho anh Vũ Văn Q số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003: Tịch thu, tiêu hủy 01 tay công và 01 mũi văm thu giữ của bị cáo Vũ Tiến T (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng).

Về án phí:

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Vũ Tiến T (tên gọi khác: Công M) phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng (ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND quận Hải An;
- Công an quận Hải An;
- Phòng PV27 - Công an TPHP;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu: hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp